TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BIÊN HÒA** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **105**/2025/QĐST-VHNGĐ	*Biên Hòa, ngày 03 tháng 02 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HOÀ

Căn cứ vào Điều 212; Điều 213 và khoản 4 Điều 397 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Căn cứ vào Điều 55, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ khoản 3 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 2903/2024/TLST-VHNGĐ ngày 31/12/2024 về việc: "*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn*", giữa:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Ông **Nguyễn Minh B**, sinh năm 1982.

Hộ khẩu thường trú: Thôn VS, xã NT, huyện CĐ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Địa chỉ nơi ở hiện nay: A, tổ A, khu phố A, phường TH, thành phố BH, tỉnh Đồng Nai.

2. Bà **Nguyễn Thị B**, sinh năm 1988.

Hộ khẩu thường trú: Thôn VS, xã NT, huyện CĐ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Địa chỉ nơi ở hiện nay: A, phu phố A, phường AB, thành phố BH, tỉnh Đồng Nai.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Vợ chồng chúng tôi có đăng ký kết hôn năm 2016 tại Ủy ban nhân dân xã NT, huyện CĐ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu theo Giấy chứng nhận kết hôn số 144 đăng ký ngày 26/12/2016. Trong nhiều năm chung sống chúng tôi có những mâu thuẫn về lối sống, quan điểm sống, suy nghĩ, không có tiếng nói chung dẫn đến tình cảm vợ chồng chúng tôi không còn hòa thuận, việc chung sống không còn hạnh phúc cho cả hai bên. Chúng tôi đã cố gắng hàn gắn để cùng nhau xây dựng gia đình đầm ấm, hạnh phúc, con cái chúng tôi có một gia đình hoàn chỉnh. Tuy nhiên, cho đến nay, chúng tôi vẫn không thể hoà hợp, không thể mang lại hạnh phúc cho nhau cũng như xây dựng một gia đình hạnh phúc. Nay chúng tôi làm đơn này đề nghị Tòa án nhân dân

thành phố BH xem xét giải quyết cho chúng tôi được thuận tình ly hôn để cả hai chúng tôi ổn định, mỗi người sớm có cuộc sống mới.

[2]. Về con chung: Có 03 (*ba*) con chung là cháu Nguyễn Đăng D, sinh ngày 02/6/2017, cháu Nguyễn Đăng D, sinh ngày 30/6/2018 và cháu Nguyễn Đăng P, sinh ngày 19/5/2021. Thống nhất giao cháu Nguyễn Đăng D, cháu Nguyễn Đăng D và cháu Nguyễn Đăng P cho bà Nguyễn Thị B trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Nguyễn Minh B tạm thời chưa cấp dưỡng nuôi con chung.

[3]. Về tài sản chung: Các đương sự khai không có nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[4]. Về nợ chung: Các đương sự khai không có nên không đặt ra xem xét.

[5]. Về lệ phí Tòa án: Ông Nguyễn Minh B và bà Nguyễn Thị B phải chịu 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) nhưng được trừ vào tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng *(ba trăm nghìn đồng*) ông Nguyễn Minh B và bà Nguyễn Thị B đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố BH theo biên lai thu tạm ứng lệ phí số 0005101 ngày 13/12/2024.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Minh B và bà Nguyễn Thị B thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Có 03 (*ba*) con chung là cháu Nguyễn Đăng D, sinh ngày 02/6/2017; Cháu Nguyễn Đăng D, sinh ngày 30/6/2018 và cháu Nguyễn Đăng P, sinh ngày 19/5/2021. Giao cháu Nguyễn Đăng D, cháu Nguyễn Đăng D và cháu Nguyễn Đăng P cho bà Nguyễn Thị B trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Tạm thời ông Nguyễn Minh B không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Các đương sự khai không có nên không đặt ra xem xét giải quyết.

- Về nợ chung: Các đương sự khai không có nên không đặt ra xem xét giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Ông Nguyễn Minh B và bà Nguyễn Thị B phải chịu 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) nhưng được trừ vào tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng *(ba trăm nghìn đồng*) ông Nguyễn Minh B và bà Nguyễn Thị B đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố BH theo biên lai thu tạm ứng lệ phí số 0005101 ngày 13/12/2024.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành

án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND thành phố Biên Hòa;
- UBND xã NT, huyện CĐ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (GCNKH 144 ngày 26/12/2016);
- Chi cục THADS thành phố Biên Hòa;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN
(Đã ký)

Lê Hồng Ngọc